



SỰ HÌNH THÀNH CÁC ĐẶC ĐIỂM QUỐC GIA: MỘT SỐ SO SÁNH GIỮA NHẬT BẢN VÀ VIỆT NAM

GS.TS Masahira Anesaki*

Để tìm đáp án cho câu hỏi “Tại sao Nhật Bản lại bị thất bại trong cuộc chiến tranh với Mỹ và các đồng minh trong Chiến tranh thế giới lần thứ hai?” và “Tại sao Việt Nam lại có thể giành được chiến thắng trong cuộc kháng chiến chống Mỹ”, ở đây, tác giả cố gắng tìm hiểu và so sánh sự hình thành các đặc điểm quốc gia của người Nhật Bản và người Việt Nam.

1. Những so sánh về địa lý, dân số và nguồn gốc chủng tộc

1.1. So sánh về địa lý

Việt Nam và Nhật Bản có hình dạng đất nước khá giống nhau. Cả hai quốc gia đều trải rộng từ Bắc tới Nam, chỉ khác ở điểm: Nhật Bản là một quần đảo với 4 hòn đảo chính, còn Việt Nam là một khu vực đất đai rộng lớn liên tiếp nhau. Diện tích của hai quốc gia cũng tương đương nhau. Tổng diện tích của Nhật Bản là 370.000 km², diện tích của Việt Nam là 333.000 km², bằng 90% tổng diện tích của Nhật Bản. Sự khác nhau lớn nhất về mặt địa lý là Nhật Bản bị tách ra khỏi đại lục châu Á và có biển bao quanh, trong khi Việt Nam lại có chung biên giới với các nước Trung Quốc, Lào và Campuchia ở bán đảo Đông Dương. Sự khác biệt này đã tạo ra những khác biệt lớn về lịch sử giữa hai quốc gia và dẫn tới những đặc điểm khác biệt về các giá trị và bản sắc dân tộc.

1.2. So sánh về dân số

Về khía cạnh dân số, dân số của Nhật Bản hiện nay là 126 triệu người, và đang giảm xuống, còn dân số của Việt Nam ước tính khoảng 80 triệu người vào

* Đại học Health and Welfare Kinki, Nhật Bản.

năm 2005 và đang có xu hướng gia tăng. Do vậy, dân số của hai quốc gia này sớm muộn gì cũng tương đương nhau.

1.3. So sánh về nguồn gốc chủng tộc

Việt Nam có 54 dân tộc; dân tộc Kinh hay dân tộc Việt chiếm 82% dân số, các dân tộc khác chỉ chiếm thiểu số. Trong số những người thuộc dân tộc Kinh, có rất nhiều người có hình thức giống người Nhật. Khởi nguồn cư trú của Việt Nam là ở phía Bắc nơi tiếp giáp với biên giới phía Nam Trung Quốc. Đây cũng là một trong những nơi khởi nguồn của dân tộc Nhật Bản. Do vậy, rất có thể người Nhật và người Việt có cùng chung tổ tiên.

2. Những so sánh về lịch sử

2.1. Việt Nam khi bị Trung Quốc chiếm đóng

Từ thế kỷ III tr.CN, khi các thủ lĩnh của các bộ tộc nhỏ ở miền Nam Nhật Bản đang bị ép buộc phải triều cống nạp cho vương triều nhà Hán ở Trung Quốc, Việt Nam đã bắt đầu bị nhà Hán chiếm đóng. Khi xâm chiếm vương quốc Nam Việt, triều đại nhà Hán không chỉ thống trị vương quốc Âu Lạc phía bắc Việt Nam mà còn thống trị nhiều vùng lãnh thổ khác ở phía nam Trung Quốc. Nhà Hán sáp nhập Âu Lạc vào đế quốc của mình. Từ đó, Trung Quốc chiếm đóng Việt Nam trong suốt 1.000 năm, cho mãi đến năm 939 sau CN, sau khi triều đại nhà Đường sụp đổ vào năm 907. Từ khi bắt đầu thời kỳ chiếm đóng lâu dài này, “lịch sử của Việt Nam tiến hoá dưới sự ảnh hưởng của hai yếu tố trái ngược nhau. Một mặt là chính sách khai thác kinh tế và đồng hoá văn hoá, mặt khác là sự phản kháng kiên định được đánh dấu bởi các cuộc khởi nghĩa vũ trang chống lại sự thống trị nước ngoài. Sự phản kháng này, sau nhiều thế kỷ, dẫn đến sự bảo tồn bản sắc dân tộc Việt Nam, sự nổi lên của nhận thức quốc gia và sự hình thành nhà nước Việt Nam độc lập.” (Nhà Nguyễn, trang 16). Các cuộc khởi nghĩa chống lại sự thống trị của Trung Quốc bùng nổ liên tục, từ thế kỷ này sang thế kỷ khác. Cuộc khởi nghĩa đầu tiên và quan trọng nhất là của hai bà Trưng Trắc và Trưng Nhị từ giữa năm 40 cho đến năm 43 sau CN. Một người phụ nữ khác là Bà Triệu đã phát động phong trào chống lại sự thống trị của Trung Quốc trên quy mô rộng lớn vào năm 248 sau CN. Các cuộc khởi nghĩa lớn đã diễn ra trong suốt nhiều thế kỷ nhưng đều thất bại. Triều đại nhà Tùy kéo dài đến cuối thế kỷ thứ VI, và đầu thế kỷ thứ VII, triều đại nhà Đường nắm quyền lực ở Trung Quốc. Những triều đại này mở rộng mạng lưới hành chính ở Việt Nam một cách sát sao hơn để khai thác tài nguyên của Việt Nam. Nhưng từ thế kỷ thứ X, Trung Quốc bước vào thời kỳ hỗn loạn và nhà Đường đã sụp đổ vào năm 907. Năm 905, viên quan cai trị cuối cùng mà triều đình Trung Quốc gửi sang Việt Nam chết. Tận dụng những hỗn loạn này ở Trung Quốc, phong trào thiết lập chính quyền của Việt Nam bắt đầu và một người Việt

Nam đã trở thành người nắm quyền lực. Nhưng đến năm 930, triều đại Nam Hán nắm quyền kiểm soát khu vực Nam Trung Quốc và đã xâm lược Việt Nam một lần nữa. Những người Việt Nam yêu nước đã hai lần liên tiếp đấu tranh chống lại quân Nam Hán. Cuối cùng, vào năm 938, người dân Việt Nam đã đánh bại quân Nam Hán trên sông Bạch Đằng, cửa sông dẫn vào Vịnh Hạ Long. Chiến thắng Bạch Đằng năm 938 đã đặt dấu chấm hết cho sự thống trị của Trung Quốc ở Việt Nam. Nhưng chỉ đến năm 1009, một thời kỳ dài của một quốc gia ổn định, quân chủ, tập trung mới bắt đầu sau vô số các cuộc nội chiến và cuộc chiến đấu chống lại những kẻ xâm lược của triều đại nhà Tống mới thiết lập ở Trung Quốc (Nhà Nguyễn, trang 21 – 25). Trong suốt 1000 năm Bắc thuộc, thông qua hàng loạt những cuộc khởi nghĩa và chiến thắng cuối cùng, nhân dân Việt Nam đã xây dựng được bản sắc dân tộc, tinh thần yêu nước và học hỏi được những chiến lược trong chiến tranh. Cũng trong thời gian Bắc thuộc, Việt Nam chịu ảnh hưởng rất mạnh mẽ từ chính sách đồng hoá của Trung Quốc. Xã hội Việt Nam, từ các chính phủ trung ương, địa phương đến hộ gia đình, đều được tổ chức tuân theo học thuyết của Khổng Tử. Học thuyết của đạo Lão cũng xuất hiện từ Trung Quốc. Đạo Phật cũng đến từ Trung Quốc qua đường bộ và từ Ấn Độ qua đường biển. Từ ngữ của Việt Nam mượn một số lượng lớn từ tiếng Trung Quốc. Sự thống trị của Trung Quốc, một nước có nền văn minh phát triển cao, đã mang lại những lợi ích về phát triển của công nghệ cho Việt Nam. Trong thời kỳ này, những nền tảng hình thành đặc điểm và các giá trị quốc gia dân tộc của Việt Nam đã được thiết lập.

2.2. Nhật Bản theo gót người thầy Trung Quốc

Thời kỳ tr.CN và khi Trung Quốc bắt đầu thống trị Việt Nam, lịch sử dưới dạng văn bản không hề có ở Nhật Bản. Nhưng lịch sử của các triều đại ở Trung Quốc như thời đại Ngụy - Tấn cũng có các ghi chép về Nhật Bản. Theo những ghi chép này của Trung Quốc, quốc đảo Nhật Bản bị phân chia thành nhiều quốc gia nhỏ với các vị vua hay nữ hoàng. Các vị vua hay nữ hoàng của những “quốc gia” đó quyết định thần phục các hoàng đế Trung Quốc. Các nguồn tài liệu của Trung Quốc đã ghi chép về các sứ thần của các vị vua hay nữ hoàng Nhật (bao gồm cả nữ hoàng Kimiko), những người đã đến Trung Quốc vào các năm 107, 239, 266 sau CN, đã được ghi chép trong các tài liệu của Trung Quốc. Một con dấu bằng vàng đã được hoàng đế nhà Hán giao cho một “vị vua” của “quốc gia” nhỏ tên là Kyushu ở phía Bắc vào năm 57 sau CN như là một vật kỷ niệm của nhà Hán đã được phát hiện vào năm 1784.

Giữa thế kỷ thứ IV, phe cánh mạnh mẽ nhất đã thiết lập triều đình Yamato. Từ giữa thế kỷ IV đến đầu thế kỷ V, Nhật xâm lược Hàn Quốc và đã thiết lập một thuộc địa của Nhật trên bán đảo Hàn Quốc. Những cuốn sử biên niên đầu tiên đã ghi chép rằng một cuộc viễn chinh nổi tiếng đã được một nữ hoàng có tên là Jingu tổ chức và chỉ huy. Chẳng bao lâu sau khi Nhật Bản thống nhất, quốc gia này đã

thể hiện đặc điểm của một quốc gia xâm lược trong khi Việt Nam lại là một nước bị Trung Quốc xâm chiếm.

Vào đầu thế kỷ V, hệ thống chữ viết của Trung Quốc đã được chính thức áp dụng ở Nhật Bản. Không chỉ có hệ thống chữ viết mà còn rất nhiều những thứ quan trọng khác từ Trung Quốc cũng được đưa vào Nhật Bản thông qua Hàn Quốc. Rất nhiều người Trung Quốc và Hàn Quốc đã đến định cư ở Nhật, trong số đó có cả những thợ thủ công lành nghề, những học giả, những mục sư, những người đã mang theo cả những kỹ năng, những kiến thức và sự văn minh của mình. Vào khoảng giữa thế kỷ VI, một phần ba trong số những gia đình quý tộc của Nhật Bản có nguồn gốc từ Hàn Quốc và Trung Quốc (Stony, trang 29). Nhưng những người Hàn Quốc và Trung Quốc này và những hậu duệ của họ dường như không cư xử như những kẻ xâm lược hay những thế lực chiếm đóng. Trái lại, họ đã hoà nhập vào xã hội Nhật Bản.

Năm 589 sau CN, Trung Quốc được thống nhất bởi triều đại nhà Tùy, triều đại tiếp nối triều đại nhà Đường từ năm 618 đến năm 906 sau CN. Trong suốt thời kỳ của những triều đại này, rất nhiều nhóm người Nhật Bản, bao gồm những sứ thần, những học giả, linh mục, quan chức, nghệ sỹ, thợ thủ công... đã chính thức tìm đường đến Trung Quốc trong những cuộc hành trình trên biển đầy nguy hiểm. Cụ thể là, người Nhật đã nhận thấy đế chế đời Đường phi thường và ấn tượng đến nỗi những người lãnh đạo đã cố gắng học hỏi và áp dụng những phong cách của Trung Quốc và thích nghi hay “Nhật hoá” một trong số những phong cách đó. Những thủ đô của họ như Heijo-kyo, Nagaoka-kyo cũng được sao chép từ thủ đô của nhà Đường ở Tràng An.

Nhưng khi Trung Quốc bắt đầu rơi vào tình trạng hỗn loạn từ đầu thế kỷ IX và người Nhật Bản cảm thấy họ không có gì để học hỏi từ Trung Quốc đương đại, “Nhật đã bước vào một thời kỳ bị cô lập tương đối, bởi không chỉ các mối liên kết với Trung Quốc trở nên mỏng manh mà mối liên hệ với Hàn Quốc cũng không còn thân thiết như trước đây sau khi từ bỏ thuộc địa ở Hàn Quốc vào thế kỷ VII” (Stony, trang 33). Thời kỳ Heian bắt đầu năm 794 và kéo dài khoảng 300 năm cho đến năm 1185, khi nền văn hoá riêng biệt của Nhật Bản đã chín muồi. Sự cách ngăn do biển bao xung quanh đã tạo cho Nhật Bản khả năng có thể lựa chọn các chính sách đan xen với việc học hỏi từ các quốc gia tiên tiến bên ngoài; điều này khác với Việt Nam - một quốc gia như có chung biên giới với nhiều quốc gia. Việt Nam đã phải đối mặt với nỗi sợ hãi bị các đế chế Trung Quốc xâm lược, ví dụ như nhà Tùy (thế kỷ XI), nhà Nguyên (thế kỷ XIII) và nhà Minh (thế kỷ XV).

2.3. Chiến thắng của Nhật Bản và Việt Nam chống lại quân xâm lược Mông nguyên

Vào thế kỷ XIII, cả Việt Nam và Nhật Bản đều bị quân Mông Cổ xâm lược. Việt Nam bị tấn công ba lần và Nhật Bản bị tấn công hai lần. Do vấp phải tinh thần dũng cảm của người Việt Nam, Mông Cổ đã phải từ bỏ cuộc tấn công Nhật Bản lần

thứ ba. Quân Mông Cổ bị thất bại trong những cuộc chiến tranh xâm lược này. Những chiến thắng chống lại quân Nguyên đã góp phần tạo ra những khác biệt trong những đặc điểm và các giá trị quốc gia giữa người Việt Nam và người Nhật Bản.

2.3.1. Chiến thắng của Việt Nam

Vào đầu thế kỷ XIII, Gengis Khan thống nhất Mông Cổ và bắt đầu tiến hành một cuộc chiến tranh xâm lược. Vào năm 1257, quân đội của Kubilai Khan đã xâm lược Việt Nam để làm tiền đề tấn công nhà Tống ở Trung Quốc từ phía Nam. Quân đội của Mông Cổ đã chiếm giữ kinh thành Thăng Long (hiện nay là thủ đô Hà Nội). Vua quan nhà Trần và những người dân cư trú ở đây đã rời kinh thành Thăng Long. Quân Nguyên không thể có được lương thực từ nguồn lương thực đang bị thối rữa trong khí hậu nhiệt đới. Chúng đã bị hất cẳng ra khỏi thủ đô bởi cuộc phản công của người Việt Nam và sào huyệt của chúng cũng đã bị một nhóm dân tộc thiểu số tấn công. Đây là chiến thắng đầu tiên của người Việt Nam chống lại quân Nguyên.

Sau thất bại đầu tiên, quân Nguyên dưới sự lãnh đạo của Kubilai đã chuẩn bị một cuộc viễn chinh khác để xâm chiếm Việt Nam. Trước tiên, vào năm 1282, quân Nguyên đã đặt chân lên vùng ven biển gọi là Chăm-pa. Kubilai đã chuẩn bị 500.000 kỵ binh và lính bộ binh cho một cuộc viễn chinh hùng mạnh chống lại Việt Nam và Chăm-pa. Vị vua của Việt Nam thời đó đã hỏi ý kiến tất cả những hoàng thân và những chức sắc có địa vị cao về những hành động cần phải thực hiện; tất cả họ đều nhất trí là phải chiến đấu. “Một cuộc họp chính thức của các già làng từ khắp nơi trên đất nước đã được triệu tập, và câu hỏi sau đã được đặt ra với họ: “Chúng ta nên hàng hay đánh?”. Một tiếng kêu lớn vang lên: “Đánh”. Lực lượng của người Việt Nam chỉ có 200.000 người do vị tướng lừng danh Trần Hưng Đạo lãnh đạo đã chiến đấu rất dũng cảm với 500.000 quân Nguyên. Nhuệ khí của những tráng sỹ Việt Nam cao đến độ tất cả họ đều khắc một chữ vào cánh tay của mình, đó là chữ “Sát Thát” (Nhà Nguyễn, trang 39). Những người dân trong làng chống cự quyết liệt với quân xâm lược bằng mọi giá. Họ ẩn náu trong những khu rừng và ngọn núi, nếu cần, và họ tiếp tục chiến tranh du kích. Khi phần lớn lãnh thổ của Việt Nam bị quân Nguyên chiếm đóng, người dân Việt Nam đã thực hiện sách lược “vườn không nhà trống để cắt nguồn lương thực của quân Nguyên, và các lực lượng của quân Việt Nam đã tấn công vào những vị trí không được phối hợp và dễ bị tổn thương của quân Nguyên. Tướng Nguyên đã bị giết và 50.000 quân lính đã bị bắt. Khoảng nửa triệu quân Nguyên đã bị tiêu diệt. Và cuối cùng toàn lãnh thổ Việt Nam đã được tự do vào tháng 8/1285.

Kubilai đã từ bỏ kế hoạch xâm lược Nhật Bản lần thứ ba để chuẩn bị cho cuộc viễn chinh trả thù Việt Nam. Vào năm 1287, tướng nhà Nguyên – người dẫn

quân xâm lược Việt Nam trong cuộc xâm lược trước đã qua biên giới phía Bắc với 300.000 quân lính và một hạm đội với 500 tàu chiến lớn tiến thẳng vào bờ biển Việt Nam. Nhân dân Việt Nam lại một lần nữa sử dụng sách lược “bỏ đói”, còn vua và những người dân rời thủ đô và cất giấu lương thực của mình. Tướng Trần Hưng Đạo sử dụng sách lược tương tự của cha anh trong thế kỷ X để đánh đuổi quân Nguyên. Khi ấy, vị tướng đã đóng cọc sắt nhọn trên cửa sông vào lúc thủy triều lên và khi thủy triều xuống, một đội thuyền chiến nhỏ của Việt Nam ra khiêu chiến rồi rút lui nhanh chóng. Thuyền quân Nguyên đuổi theo và bị những giàn cọc sắt đâm thủng. Tướng chỉ huy của quân Nguyên đã bị bắt giam, 100 thuyền đã bị phá huỷ và 400 tên lính khác đã bị bắt. Đây là thất bại lần thứ ba của quân Nguyên vào năm 1288. Năm sau, vua của Việt Nam đã giao lại những tướng lĩnh và những quân lính đã bị bắt. Sau cái chết của Kubilai vào năm 1294, người trị vì mới của quân Nguyên đã thiết lập mối quan hệ thân thiện với Việt Nam.

Chiến thắng của Việt Nam trước quân Nguyên với số lượng và lực lượng vũ trang hùng mạnh là nhờ có sự đoàn kết quốc gia thực sự được tạo lập từ những cuộc đấu tranh chống xâm lăng và những nhà lãnh đạo tài ba như tướng Trần Hưng Đạo - người đã tận dụng những sách lược sáng suốt và được sự hỗ trợ của quần chúng, đặc biệt là chiến tranh du kích với hệ thống sỹ - nông, trong đó mỗi người đều trở thành một chiến binh và các nhóm dân tộc thiểu số đóng góp một phần ở những khu vực ở miền núi. Những đặc tính này cũng lại được phát huy trong những cuộc chiến tranh hiện đại của Việt Nam do tướng Võ Nguyên Giáp lãnh đạo.

2.3.2. Chiến thắng của Nhật Bản

Vào các năm 1274 và năm 1281, hoàng đế nhà Nguyên Kubilai Khan đã đưa tàu chiến tấn công Nhật. Cuộc tấn công đầu tiên diễn ra sau khi người Nhật phản đối yêu cầu của nhà Nguyên rằng Nhật phải công nhận chủ quyền của Kubilai. Vào ngày hôm sau, khi lực lượng xâm lược gồm 40.000 quân đã đặt chân xuống gần Hakata (hiện nay là Fukuoka), một cơn bão đột ngột xuất hiện, phá huỷ một bộ phận lớn của đội tàu chiến và làm nhiều binh lính chết đuối. 7 năm sau, vào năm 1281, sau khi Nhật lại một lần nữa bác bỏ những yêu cầu của Kubilai và chém đầu những phái viên của Kubilai, Kubilai đã cho 150.000 binh lính tấn công Nhật. Sau 53 ngày chiến đấu quyết liệt ở Kyushu, một cơn bão nhiệt đới dữ dội lại xuất hiện. Quân Nguyên đã phải lên tàu rút lui.

Nhưng sau chiến thắng chống quân Nguyên, những chiến binh Nhật không được nhận một phần thưởng nào, chẳng hạn như một vùng đất của kẻ thù và họ đã rất thất vọng. Đây là thời kỳ bắt đầu sự sụp đổ của tướng quân Nhật Kamakura. Hai chiến thắng liên tiếp này nhờ có những cơn bão nhiệt đới đã khiến Nhật trở nên mê tín đến nỗi họ luôn tin tưởng rằng *Kamikaze* hay “Con gió thần”

luôn giúp đỡ người Nhật trong chiến tranh. Sự mê tín này đã khiến Nhật rơi vào sự thất bại trong cuộc chiến tranh chống lại khối Đồng minh.

2.4. Những sự việc tình cờ tương tự và những kết quả khác nhau giữa Nhật và Việt Nam

2.4.1. Việc hiện đại hoá Nhật Bản

Vào giữa thế kỷ thứ XIX, khi thời kỳ phong kiến ở Việt Nam và Nhật Bản kết thúc, hai quốc gia này đã được các thế lực phương Tây tiếp cận nhằm mục đích thực dân hoá hay tìm kiếm thương mại. Vào năm 1853, một nhóm người Mỹ dưới sự lãnh đạo của thiếu tướng hải quân Mathew Perry đã đến Nhật với một lá thư của Tổng thống Mỹ yêu cầu mở rộng các mối quan hệ giao dịch thương mại. Tướng Nhật Tokugawa đã rất bối rối bởi sự xuất hiện của thiếu tướng hải quân Perry và những yêu cầu này, bởi Nhật đã đóng cửa với thế giới bên ngoài bằng chính sách cô lập suốt hơn hai thế kỷ qua. Những năm sau, 1854, thiếu tướng hải quân Perry và hạm đội của ông đã quay trở lại Nhật Bản. Chính phủ Nhật cuối cùng đã quyết định mở cửa với thế giới. Và Hiệp ước Hoà bình và Hữu nghị giữa Mỹ và Nhật đã được ký kết.

Hiệp ước về Hữu nghị và thương mại đã được ký kết một lần nữa với Anh, Nga, Hà Lan và Pháp. Hiệp ước với 5 cường quốc phương Tây này được gọi là “Hiệp ước không bình đẳng” bởi vì những quyền lợi vượt ngoài lãnh thổ, mức thuế nhập khẩu thấp và những lợi thế khác được ban cho 18 quốc gia trong đó có 5 quốc gia trên.

Sau một cuộc nội chiến quyết liệt giữa những người ủng hộ đế quốc và những người ủng hộ chế độ Mạc phủ (Shogunate) Nhật, cuối cùng, vào năm 1868, những người ủng hộ đế quốc đã chiến thắng và thiết lập lại chế độ đế quốc. Trong cuộc nội chiến này, Pháp đã hỗ trợ những người ủng hộ chế độ tướng quân Nhật thất bại dưới nhiều hình thức khác nhau. Nhật đã bắt đầu một tiến trình hiện đại hoá và bảo vệ nền độc lập của mình dưới những “Hiệp ước không bình đẳng”, ghi chép cẩn thận về Chiến tranh thuốc phiện và thực dân hoá của Trung Quốc bởi những thế lực phương Tây.

Nhật đã lao vào con đường hiện đại hoá và phương Tây hoá. Nhật đã chiến thắng trong cuộc chiến tranh Trung - Nhật (1894 - 1895) và cuộc chiến tranh Nga - Nhật (1904 - 1905). Những “Hiệp ước không bình đẳng” này đã bị loại bỏ. Nhật đã thôn tính lãnh thổ của Đài Loan vào năm 1895 và Hàn Quốc vào năm 1910. Nhật giờ đây đã trở thành một kẻ xâm lược quân phiệt. Nhật đã thiết lập một chính phủ bù nhìn của “Manchuria” ở Trung Quốc. Vào năm 1937, một cuộc chiến tranh quy mô toàn diện chống lại Trung Quốc đã bắt đầu. Và cuối cùng Nhật, một quốc gia của Trục Béc-lin, Rô-ma, Tokyo đã bắt đầu cuộc chiến Thái Bình Dương chống lại

Mỹ và các lực lượng trong khối Đồng minh và những khu vực rộng lớn bị xâm chiếm của châu Á, trong đó có Việt Nam. Nhật đã hoàn toàn bị thống trị bởi chế độ quân phiệt và phát xít. Vào năm 1945, việc thả bom nguyên tử đã chấm dứt chiến tranh và chế độ quân phiệt của Nhật. Nhật đã chọn lựa một con đường khác với các quốc gia thuộc địa ở châu Á khác. Nhật đã cố gắng bắt chước các thế lực phương Tây và thực hiện con đường của những quốc gia xâm lược công nghiệp, quân phiệt và thực dân và cuối cùng nó hoàn toàn bị phá huỷ. *Kamikaze*, hay, con gió thần, đã không thổi đến quốc gia Nhật Bản đi xâm lược như nó đã xuất hiện trong cuộc chiến của Nhật chống quân Nguyên xâm lược vào thế kỷ XIII. Trong giai đoạn cuối của cuộc chiến tranh, Nhật quân phiệt đã tổ chức và sử dụng một đơn vị đặc nhiệm gồm những phi công tự sát được gọi là Đơn vị đặc nhiệm *Kamikaze* để tấn công những tàu chiến của Mỹ. Nhật đã hồi phục từ những tàn phá của chiến tranh. Nhật bắt đầu trở thành một quốc gia yêu hoà bình và dân chủ. Một hiến pháp mới hậu chiến tranh đã tuyệt đối từ bỏ chiến tranh. Chiến tranh của Hàn Quốc đã nổ ra vào năm 1950 bên bờ bên kia của bờ biển Nhật Bản. Quân đội Nhật Bản, tiền thân của Lực lượng phòng vệ hiện tại đã được xây dựng. Hiến pháp hoà bình đã ngăn cản Nhật tham gia vào chiến tranh một cách trực tiếp, và Nhật đã thu được những lợi ích kinh tế từ cuộc chiến tranh Hàn Quốc. Kinh tế của Nhật không chỉ được hồi phục mà còn bắt đầu bùng nổ mạnh mẽ. Chiến tranh Hàn Quốc đã cung cấp động lực và điều luật từ bỏ chiến tranh của Hiến pháp Nhật giúp những chi phí phòng vệ ở mức tối thiểu đã góp phần vào tăng trưởng kinh tế nhanh chóng của Nhật Bản. Vào năm 1967, Nhật đã đạt được GDP ở mức lớn thứ hai trên thế giới, chỉ sau Mỹ.

2.4.2. Thực dân hoá Việt Nam

Khoảng cùng thời điểm với sự xuất hiện của hạm đội Mỹ ở vịnh Tokyo, Nhật Bản ngày 31/8/1858, một đội hải quân Pháp đã tấn công Đà Nẵng, Việt Nam, bắt đầu một cuộc chiến tranh xâm lược thuộc địa. Nhân dân Việt Nam dưới chế độ phong kiến mục nát đã bị phân chia thành hai bè phái, một bè phái thân Pháp cố gắng đòi thoả hiệp và một phe là một nhóm hùng mạnh bao gồm những nhà yêu nước, những người đã thừa hưởng truyền thống lâu đời đấu tranh đòi độc lập cho quốc gia. Những cuộc khởi nghĩa nổ ra nhiều lần. Nhưng cuối cùng, năm 1885, Việt Nam đã bị Pháp thôn tính. Tuy nhiên, sau khi Việt Nam bị Pháp chiếm đóng, nhân dân Việt Nam vẫn tiếp tục kháng cự. Vào năm 1897, một chế độ thực dân đã được thiết lập khi một người lãnh đạo toàn quyền khu vực Đông Dương được bầu ra để quản lý không chỉ Việt Nam mà còn quản lý cả Lào và Campuchia.

Chiến thắng của Nhật Bản chống lại chế độ Nga hoàng năm 1905 đã khuyến khích những nhà yêu nước Việt Nam nuôi dưỡng hy vọng rằng Nhật - một cường quốc châu Á sẽ trợ cấp và hỗ trợ cho Việt Nam trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp. Đến năm 1908, khoảng 200 sinh viên trẻ đã được gửi đến Nhật để học

và nghiên cứu, đây là một phần trong phong trào được gọi là “Go East” (Đông Du). Nhưng đến năm 1909, chính phủ Nhật Bản, do bị chính phủ Pháp mua chuộc, đã công nhận sự xâm chiếm của Pháp ở châu Á và đuổi những người yêu nước Việt Nam khỏi Nhật Bản. Chính phủ Nhật phản bội lại mong muốn của những nhà yêu nước Việt Nam. Nhật đã trở thành đế quốc chiếm giữ Đài Loan làm thuộc địa năm 1895 và Hàn Quốc năm 1905 (Nhà Nguyễn, trang 17-168).

Sau Chiến tranh thế giới lần thứ nhất, từ năm 1919 đến năm 1929, thực dân Pháp đã tăng cường khai thác kinh tế ở Việt Nam nhằm mục đích phục hồi kinh tế của Pháp. Vào thời điểm đó, Nguyễn Ái Quốc (sau này gọi là Hồ Chí Minh) và những nhà lãnh đạo các phong trào giải phóng khác chịu ảnh hưởng bởi cuộc Cách mạng Tháng Mười Nga đã chọn Chủ nghĩa Mác - Lênin và chủ nghĩa cộng sản làm học thuyết cho cuộc đấu tranh giải phóng Việt Nam đang bị thực dân hoá. Khoảng một thập kỷ sau khi Chiến tranh thế giới thứ nhất và cuộc Cách mạng Tháng Mười kết thúc, năm 1929, Đảng Cộng sản Đông Dương đã được sáng lập. Cuộc đấu tranh chống lại thực dân Pháp để giành độc lập quốc gia đã được Đảng Cộng sản lãnh đạo.

Chiến tranh thế giới lần hai bắt đầu năm 1939 đã đè một gánh nặng lớn lên nhân dân Việt Nam. Hàng nghìn chiến sỹ và công nhân Việt Nam đã bị gửi sang Pháp. Nhân dân Việt Nam phải cung cấp cho Pháp một số lượng lớn lương thực, nguyên liệu cho cuộc chiến tranh. Vào năm 1940, Pháp đã bị phát xít Đức đánh bại. Sự thất bại của Pháp và sự xâm lược của quân đội Nhật khiến cho thực dân Pháp rơi vào tình trạng hỗn loạn. Nhật cố gắng tận dụng bộ máy quản lý của thực dân Pháp. Pháp bị bắt buộc phải để quân đội Nhật vào Việt Nam, Campuchia và Thái Lan. Chính phủ Pháp thân phát xít và chính phủ quân phiệt Nhật bắt tay với nhau để khai thác các nguồn lực của Việt Nam và đàn áp các phong trào giải phóng dân tộc của Việt Nam. Các cuộc nổi dậy của nhân dân Việt Nam diễn ra liên tục nhưng đều bị trấn áp.

Vào năm 1941, Mặt trận Việt Minh (Liên minh độc lập Việt Nam) đã được sáng lập, bao gồm rất nhiều công nhân, nông dân, các tổ chức của thanh niên và phụ nữ, các lực lượng du kích, thậm chí cả giai cấp tư sản và những địa chủ: mọi người từ các giai tầng xã hội những người đều đồng lòng đấu tranh chống lại thực dân Pháp và Nhật. Việt Minh nhanh chóng nhận được sự ủng hộ rộng rãi trong nhân dân Việt Nam.

Dưới hai tròng bóc lột của Pháp và Nhật, người dân Việt Nam đã phải chịu đựng nghèo đói cùng kiệt, nạn đói thường xuyên xảy ra. Quân đội của Nhật tích trữ lúa gạo để sử dụng. Hai triệu người dân Việt Nam đã bị chết đói. Năm 1945, phát xít Đức đã bị đánh bại và chính phủ thân phát xít ở Pháp bị sụp đổ. De Gaulle đã cam kết với Đông Dương về quyền tự chủ để bảo đảm an toàn cho sự xuất hiện của Pháp ở Đông Dương.

Quân đội Nhật đã tước vũ khí của Pháp. Sự thất bại tiếp theo của Nhật là điều hiển nhiên. Trước và sau khi Nhật đầu hàng, vào ngày 15/8, những cuộc khởi nghĩa nổ ra trên khắp Việt Nam. Vào ngày 25/8, cùng với sự kiện vua Bảo Đại thoái vị là sự thành công của cuộc Cách mạng Tháng Tám của nhân dân Việt Nam. Cuộc cách mạng được chuẩn bị kỹ lưỡng về chính trị cũng như quân sự này đã chấm dứt 80 năm bị thực dân Pháp cai trị và xoá bỏ chế độ quân chủ và tái thiết nền độc lập cho Việt Nam.

Nhưng đây chưa phải là sự chấm dứt hoàn toàn của việc thực dân hoá và cũng không phải là sự bắt đầu của một nền độc lập. Theo cam kết đầu hàng sau thất bại của Nhật, phía bắc Đông Dương bị chiếm đóng bởi quân đội Trung Quốc Chiang Kai-shek và phía nam bị hạm đội hải quân Anh kiểm soát. Chúng dọn đường cho sự trở lại của người Pháp. Chính phủ Pháp nuôi dưỡng ý định tái thiết chủ quyền của Pháp ở Đông Dương và đã phái những đội quân Pháp tới khu vực này. Vào ngày 23/8, Pháp tuyên bố không công nhận nền độc lập của Việt Nam. Vào ngày 2/9, binh lính Pháp ẩn náu trong một nhà thờ đã châm lửa vào một đám đông đang biểu tình đòi độc lập. Và cuộc chiến tranh 9 năm chống lại thực dân Pháp đã nổ ra vào ngày 23/9/1945, kết thúc với sự thất bại của Pháp vào ngày 7/5/1954 với Chiến thắng Điện Biên Phủ lịch sử.

Sau chiến tranh Hàn Quốc và cuộc cách mạng Trung Quốc, từ năm 1950, sự can thiệp của Mỹ trong cuộc chiến tranh này đã bắt đầu một cách công khai. Sau khi Pháp thất bại tại Điện Biên Phủ vào năm 1954, Mỹ đã tiếp tục tiến hành cuộc chiến tranh tại Việt Nam. Quân đội Mỹ đã rút khỏi Việt Nam năm 1973. Mặt trận giải phóng dân tộc quốc gia miền Bắc Việt Nam, các lực lượng Chính phủ cách mạng lâm thời phải đấu tranh chống lại những lực lượng quân đội của Chính phủ miền Nam Việt Nam thân Mỹ đến mãi hơn hai năm sau, năm 1975. Mặt trận giải phóng dân tộc quốc gia miền Bắc Việt Nam đã chiến thắng và cuối cùng Việt Nam đã được thống nhất. Nhân dân Việt Nam giành được hoà bình sau cuộc đấu tranh trong vòng 30 năm từ năm 1945 đến năm 1975.

3. Kết luận

Nhật Bản và Việt Nam có những tương đồng nhưng cũng có những điểm khác biệt. Cả hai quốc gia có những nét tương đồng về diện tích đất đai và dân số. Cả hai quốc gia dường như đều có một số nét chung về nguồn gốc tổ tiên. Nhưng Nhật là một quốc đảo, trong khi đó Việt Nam lại có chung biên giới với các quốc gia khác. Sự khác biệt này cũng dẫn tới những khác biệt về lịch sử giữa hai quốc gia này. Việt Nam đã bị xâm lược khoảng 20 lần. Nhật Bản không bị xâm lược nhiều lần như vậy. Nhật đã không bị thực dân hoá mặc dù nó đã bị đánh bại trong Chiến tranh thế giới lần thứ hai. Người Nhật là kẻ xâm lược những quốc gia láng giềng. Lịch sử ban đầu của Nhật bắt đầu với một cuộc viễn chinh quân sự tới Hàn Quốc do nữ hoàng Jingu tổ chức và lãnh đạo vào giữa thế kỷ IV. Đến cuối thế kỷ XVI, người Nhật xâm lược Hàn Quốc vào các năm 1592 và 1598. Ngay sau kỷ

nguyên hiện đại của Nhật bắt đầu, gần như sự việc đầu tiên được chính phủ bàn bạc là một cuộc viễn chinh tới Hàn Quốc. Việt Nam bị Trung Quốc xâm chiếm nhiều lần trong một thời kỳ dài kéo dài suốt 10 thế kỷ và bị Pháp thực dân hoá trong vòng 80 năm. Người Việt Nam luôn luôn đấu tranh chống lại những kẻ xâm lược và cuối cùng đã đánh bại được những kẻ xâm lăng. Nhân dân Việt Nam không bao giờ xâm lược các quốc gia khác. Họ không phải là những con người thích chiến tranh mà là những con người yêu chuộng hoà bình. Họ là một trong những dân tộc hiểu rõ giá trị của hoà bình trên thế giới. Một truyền thuyết có liên quan đến hồ Hoàn Kiếm ở trung tâm Hà Nội đã cho biết rằng khi Việt Nam bị nhà Minh trực tiếp cai trị vào đầu thế kỷ XIV, vua Lê Lợi, người sáng lập ra nhà Lê, đã được một con rùa giao cho thanh gươm thần vào năm 1428. Ông đã chiến đấu và chiến thắng trong cuộc chiến tranh giành độc lập chống lại nhà Minh với thanh gươm thần đó và đã mang lại độc lập tự do cho Việt Nam. Sau chiến tranh, ông đã trả lại thanh gươm đó cho con rùa. Có lẽ, hoà bình phải là vấn đề nên được suy xét một cách sâu sắc hơn nữa trong thế giới đầy xung đột này.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Lịch sử của Việt Nam chủ yếu dựa trên *Nhà Nguyễn* (2004);
2. Lịch sử của Nhật dựa trên *Storry* (1960) và *Kodansha Quốc tế* (1996).